TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 6 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Đức T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 6, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Lê Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/4/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được, đã sống ly thân gần 03 năm nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu

thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T.

Về con chung: Chị và anh Lê Đức T có 01 con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 08/9/2018. Ly hôn, chị yêu cầu Toà án giao cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K cho đến khi con thành niên và tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị kinh doanh buôn bán và huấn luyện viên yoga, thu nhập 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Đức T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Lê Đức T và giao con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 08/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được; về cấp dưỡng và tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu nên không giải quyết. Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 6, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Đức T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/4/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị Trân trình bày sau khi kết hôn thì giữa chị và anh Trọng đã bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly hơn 3 năm nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú thì chị T

và anh T không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Bị đơn anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng anh Trọng không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa anh chị như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 08/9/2018 đang sống cùng chị T. Xét thấy chị T đang trong độ tuổi lao động, có công việc ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 08/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T, cụ thể như sau:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Huyền T ly hôn với anh Lê Đức T.

2. *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lê Trung K, sinh ngày 08/9/2018 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001190 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 24 ngày 25/4/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu